

Bản án số: 151/2025/HS-ST
Ngày 23-7-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Thẩm phán: Ông Phạm Anh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Hạ

Bà Nguyễn Thị Luyến

Ông Phạm Mạnh Hùng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Phúc Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 121/2025/TLST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2025, đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 1989 tại Hải Phòng; nơi thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn An Phong, phường An Hưng, quận Hồng Bàng (nay là Thôn An Phong, phường An Dương), thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn Tuyển và bà Bùi Kim Lam; có vợ là Hà Hồng Hải và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 14 tháng 6 năm 2024; có mặt.

- **Bị hại:**

+ Anh Trịnh Xuân Đề, sinh năm 1997; nơi cư trú: Phúc Hải 1, phường Đa Phúc, quận Dương Kinh (nay là Phúc Hải 1, phường Hưng Đạo), thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: 346 Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4 (nay là 346 Bến Vân Đồn, phường Vĩnh Hội), thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

+ Anh Lê Quang Phúc, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ Hải Triều 1, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng (nay là Tổ Hải Triều 1, phường Hồng An), thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

+ Chị Trịnh Thị Quỳnh Anh, sinh năm 1988; nơi cư trú: Gò Công 4, phường Phù Liễn, quận Kiến An (nay là Gò Công 4, phường Phù Liễn), thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

+ Chị Trần Thị Thanh, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn Ngọc Nha Thượng, xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu (nay là Thôn Ngọc Nha Thượng, xã Khoái Châu), tỉnh Hưng Yên; có mặt;

+ Anh Nguyễn Chí Thành, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ dân phố An Phong, phường An Hưng, quận Hồng Bàng (nay là Tổ dân phố An Phong, phường An Dương), thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

+ Anh Nguyễn Quốc Hải, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ dân phố An Phong, phường An Hưng, quận Hồng Bàng (nay là Tổ dân phố An Phong, phường An Dương), thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

+ Chị Nguyễn Thị Thu Hương, sinh năm 1985; nơi cư trú: P508 nhà E4 chung cư Ecohome 1, phường Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm (nay là P508 nhà E4 chung cư Ecohome 1, phường Phú Thượng), thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Trịnh Văn Đệ và Lê Quang Phúc: Bà Nguyễn Thị Kim Anh, Luật sư của Công ty luật TNHH Dragon thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

- Người làm chứng: Bà Trần Thị Lê; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2022 đến tháng 07 năm 2023, Phạm Văn T đã thực hiện một số vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng, cụ thể:

- **Vụ thứ nhất:** Khoảng cuối tháng 5 năm 2023, Phạm Văn T đưa ra thông tin không có thật về việc bản thân có khả năng làm thủ tục, hồ sơ để trúng được đấu giá đất tại địa bàn xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng với giá thấp hơn so với mức giá niêm yết và rủ anh Trịnh Xuân Đệ, tham gia đấu giá đối với lô đất diện tích 100m², giá là 550.000.000 đồng/01 lô, khi tham gia mọi thủ tục đấu giá T sẽ làm, anh Đệ chỉ cần nộp tiền và chuyển thông tin cá nhân cho T để T làm hồ sơ, thủ tục và cuối tháng 5 năm 2023 sẽ nộp tiền đặt cọc là 250.000.000 đồng/lô đến cuối tháng 6 năm 2023 nộp số tiền 300.000.000 đồng/lô còn lại, đến đầu tháng 8 năm 2023 sẽ nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh

Đệ. Anh Đệ đồng ý tham gia và nộp tiền cho T để tham gia đấu giá 02 lô đất với tổng số tiền là 1.100.000.000 đồng. Đến ngày 09 tháng 7 năm 2023, anh Đệ liên hệ với T để hỏi về việc đấu giá, T tiếp tục đưa ra thông tin không có thật về việc có 02 lô đất tại dự án đấu giá đất ở sau nhà T thuộc thôn An Phong, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng và kêu gọi anh Đệ tham gia nộp tiền để đấu giá với số tiền là 1.000.000.000 đồng/lô, thời hạn nộp tiền vào tháng 7 năm 2023, sau khi nộp tiền từ 40 ngày đến 45 ngày sẽ nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Đệ. Anh Đệ đồng ý nộp 2.000.000.000 đồng cho T để tham gia đấu giá 02 lô đất trên. Anh Đệ đã nhiều lần yêu cầu T chuyển vị trí và bản đồ các lô đất nhưng T không chuyển. Như vậy, sau khi tạo được lòng tin về việc chuyển tiền đấu giá đất, T đã nhận và chiếm đoạt của anh Đệ tổng số tiền là 3.100.000.000 đồng, sử dụng trả nợ và chi tiêu cá nhân mà không thực hiện bất cứ việc gì để đấu giá đất cho anh Đệ.

- **Vụ thứ hai:** Khoảng cuối tháng 3 năm 2023, T liên hệ và rủ anh Lê Quang Phúc, tham gia đấu giá đất tại thôn Hạ, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đối với các lô đất có diện tích 100m²/01 lô. T giới thiệu hiện có lô 3 và lô 4 với giá trúng đấu giá là 670.000.000 đồng/lô, bao gồm 620.000.000 đồng tiền đấu giá và 50.000.000 đồng tiền phí bao trúng đấu giá. Nếu tham gia làm hồ sơ đấu giá sẽ đặt cọc trước 240.000.000 đồng, gồm: 190.000.000 đồng/lô tiền cọc và 50.000.000 đồng/lô tiền phí bao trúng đấu giá. Thời gian tổ chức đấu giá dự kiến ngày 20 tháng 4 năm 2023. Sau khi trúng đấu giá thì 15 ngày sau nộp 1/2 số tiền còn lại (đã trừ tiền cọc) và 15 ngày tiếp theo nộp hết số tiền còn lại. T đã đưa ra thông tin không có thật về việc quan hệ với lãnh đạo xã An Hưng có thể trúng đấu giá lô đất với giá rẻ hơn so với giá thị trường khoảng 100.000.000 đồng, mọi thủ tục, hồ sơ T sẽ làm, anh Phúc chuyển tiền và ảnh căn cước công dân cho T để làm thủ tục, T đảm bảo anh Phúc sẽ trúng đấu giá. Do tin tưởng T nên anh Phúc đồng ý tham gia đấu giá và nộp tiền cho T để đấu giá lô 3 và lô 4 thuộc dự án do T giới thiệu. Ngày 31 tháng 3 năm 2023, anh Phúc chuyển 480.000.000 đồng (tiền đặt cọc và tiền phí bao trúng đấu giá mua 02 lô đất) cho T, đồng thời, anh Phúc chuyển hình ảnh căn cước công dân của mình cho T để làm hồ sơ, thủ tục đấu giá. Đến ngày 18 tháng 4 năm 2023, T thông báo thời gian tổ chức đấu giá được hoãn lại đến khoảng 18 tháng 8 năm 2023, khi có lịch cụ thể sẽ báo cho anh Phúc. Ngày 24 tháng 4 năm 2023, T tiếp tục giới thiệu cho anh Phúc tham gia đấu giá lô 7 của dự án trên là 875.000.000 đồng tiền trúng đấu giá cộng với 12.000.000 đồng tiền thuế bảo vệ lúa, 12.000.000 đồng tiền thuế trước bạ. Khi tham gia đấu giá sẽ chuyển trước cho T 250.000.000 đồng, anh Phúc đồng ý tham gia. Ngày 25 tháng 4 năm 2023, anh Phúc chuyển 250.000.000 đồng cho T. Đến ngày 28 tháng 6 năm 2023, T yêu cầu anh Phúc phải chuyển hết toàn bộ số tiền tham gia đấu giá mua 03 lô đất trên, nhưng anh Phúc không đủ tiền và nói với T là nhượng lại lô 7 cho người khác thì T nói là đã tìm được người mua và anh Phúc được hưởng 50.000.000 đồng tiền bán chênh nên số tiền của lô 7, số tiền này và tiền cọc sẽ chuyển vào tiền mua lô 3 và lô 4. Ngày 04 tháng 7 năm 2023, anh Phúc chuyển 02 lần: Lần 1 là 499.999.999

đồng, lần 2 là 60.000.000 đồng cho T. Sau khi chuyển số tiền trên, T hẹn đến ngày 04 tháng 8 năm 2023 anh Phúc sẽ nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên đến ngày 04 tháng 8 năm 2023, anh Phúc không nhận được giấy chứng nhận như đã thoả thuận nên đã liên hệ để hỏi nhưng không liên hệ được với T. T đã chiếm đoạt của anh Phúc tổng số tiền là 1.290.000.000 đồng.

- **Vụ thứ ba:** Đầu năm 2023, T tham gia hội mua bán cây cảnh và quen biết với chị Trịnh Thị Quỳnh Anh. Sau đó, chị Quỳnh Anh nhờ T để chung vốn đầu tư mua bán một số lô đất trên địa bàn huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Đầu tháng 3 năm 2023, chị Quỳnh Anh liên lạc trao đổi với T về việc chung vốn đầu tư mua bán đất thì T giới thiệu với chị Quỳnh Anh hiện tại thôn Bắc, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng có dự án chuẩn bị đấu giá các lô đất đã được Ủy ban nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng quy hoạch. T giới thiệu với chị Quỳnh Anh các lô đất N33, N34, N35 trong dự án, đưa ra thông tin không có thật về việc lô đất N35 là của T. Sau đó, T nói với chị Quỳnh Anh hiện tại các lô đất trên chưa được đấu giá, T có mối quan hệ với cấp trên nên có thể xử lý được việc đấu giá nội bộ và phải chuyển tiền trước để gửi cấp trên. Chị Quỳnh Anh yêu cầu cho xem bản đồ quy hoạch thì T cung cấp 01 bản đồ quy hoạch (bản photo) về vị trí các lô đất đấu giá và chỉ cho chị Quỳnh Anh vị trí các lô đất N33, N34, N35. T nói nếu muốn đấu giá được thì phải đưa tiền trước để đặt cọc và T là người đứng ra đấu giá. Nếu chị Quỳnh Anh đồng ý thì được mua 02 trong 03 lô đất trên, vì 01 lô là T đã mua. Giá 01 lô đất là 1.050.000.000 đồng. T nói đã có khách muốn mua lại các lô đất trên và đã đặt cọc số tiền 200.000.000 đồng/01 lô đất, nếu chị Quỳnh Anh đồng ý tham gia thì chỉ phải đưa cho T số tiền 1.700.000.000 đồng cho cả hai lô đất, sau khi có bì đỏ, thì lập tức làm thủ tục chuyển nhượng lại cho khách đã đặt cọc. Sau đó, T dẫn chị Quỳnh Anh đến thôn Bắc, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng để chỉ cho chị Quỳnh Anh xem vị trí lô đất. Sau khi xem các lô đất, đến ngày 18 tháng 3 năm 2023 chị Quỳnh Anh chuyển cho T số tiền 1.200.000.000 đồng. Đến ngày 30 tháng 3 năm 2023, T yêu cầu chị Quỳnh Anh chuyển tiếp số tiền 100.000.000 đồng. Đến đầu tháng 4 năm 2023, T tiếp tục đưa ra thông tin không có thật với chị Quỳnh Anh về việc có lô đất N1 với tiền đấu giá là 650.000.000 đồng, trong dự án tại thôn Bắc, xã An Hưng đang hoàn thiện hồ sơ, hai tháng sau có bì đỏ để bàn giao cho khách mua, nếu đầu tư thì sẽ có tiền lãi. Chị Quỳnh Anh đồng ý thì T nói lại là đã cho khách đặt cọc lô N1 là 100.000.000 đồng, gọi vốn đầu tư lô này chung với T số tiền 550.000.000 đồng. Chị Quỳnh Anh đồng ý và chuyển khoản số tiền 550.000.000 đồng theo yêu cầu của T. Đến ngày 12 tháng 5 năm 2023, T yêu cầu chị Quỳnh Anh chuyển số tiền 400.000.000 đồng để kịp thời gian đấu giá cho các lô đất N33, N34, N35 và giao dịch với người khách đã mua. Chị Quỳnh Anh chuyển số tiền 400.000.000 đồng cho T. Hai bên có làm giấy giao nhận thể hiện nội dung chuyển số tiền 1.700.000.000 đồng. Sau khi chuyển xong tất cả số tiền trên theo yêu cầu của T, thì T hẹn với chị Quỳnh Anh đến ngày 12 tháng 7 năm 2023 sẽ đấu giá xong các lô đất, bàn giao bì cho khách đã đặt cọc mua đất và trả lại cả tiền gốc, lãi cho các lô đất đã đầu tư. Tuy nhiên,

đến ngày 12 tháng 7 năm 2023, T không bàn giao, không trả lại tiền gốc và lãi cho chị Quỳnh Anh như đã hứa. T đã chiếm đoạt của chị Quỳnh Anh tổng số tiền là 2.250.000.000 đồng.

- **Vụ thứ tư:** Khoảng tháng 7 năm 2023, bà Trần Thị Thanh, thông qua bà Trần Thị Lê, là chị gái của bà Thanh giới thiệu nên biết Phạm Văn T, T giới thiệu với bà Thanh tại xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đang có dự án đấu giá đất, T đang làm thủ tục đấu giá để mua đất cho mọi người và rủ bà Thanh cùng tham gia. Bà Thanh đồng ý. T đưa ra thông tin không có thật với bà Thanh về việc T đã trúng thầu 06 lô đất tại thôn An Phong, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nhưng chưa ra bìa đỏ, nếu bà Thanh có nhu cầu thì T sẽ bán lại cho bà Thanh 02 trong 06 lô đất trên với giá 13.500.000 đồng/01m², 01 lô đất là 80m², 02 lô đất là 160m², tổng số tiền là 2.160.000.000 đồng, T nói bớt cho bà Thanh 60.000.000 đồng và lấy tròn là 2.100.000.000 đồng. Bà Thanh đồng ý mua với giá T đưa ra. T yêu cầu bà Thanh đặt cọc 100.000.000 đồng để làm bìa đỏ mang tên con của bà Thanh là Vương Văn Tuyền. Ngày 08 tháng 7 năm 2023, bà Thanh bảo Tuyền chuyển số tiền 100.000.000 đồng cho T thông qua bà Lê để đặt cọc. Sau đó, T gọi cho bà Thanh và bảo bà Thanh cầm số tiền 1.600.000.000 đồng giao cho T để làm các thủ tục ra bìa đỏ với 02 lô đất, sau khi đã có bìa đỏ sẽ yêu cầu bà Thanh chuyển nốt số tiền 400.000.000 đồng, bà Thanh đồng ý. Ngày 10 tháng 7 năm 2023, bà Thanh giao cho T số tiền 1.600.000.000 đồng tiền mặt, T viết cho bà Thanh 01 giấy biên nhận tiền, có chữ ký của vợ chồng bà Thanh và của T. Đến ngày 21 tháng 7 năm 2023, bà Thanh liên hệ lại với T nhưng không liên lạc được. T đã chiếm đoạt của bà Thanh tổng số tiền là 1.700.000.000 đồng.

- **Vụ thứ năm:** Khoảng tháng 12 năm 2022, anh Nguyễn Chí Thành, thông qua bà Trần Thị Lê, liên hệ với T. T nói với anh Thành tại thôn An Phong có các lô đất đang chuẩn bị được đấu giá, T có khả năng mua với giá thấp hơn so với giá thực tế của Trung tâm đấu giá đưa ra và đề nghị anh Thành tham gia mua. T sẽ đứng ra làm các thủ tục, anh Thành chỉ cần đưa căn cước công dân và đăng ký kết hôn còn T sẽ làm các thủ tục ra bìa đỏ. T cho anh Thành xem sơ đồ các lô đất đấu giá, anh Thành xem và chọn lô số N16 thuộc khu đất đấu giá của thôn An Phong, xã An Hưng, huyện An Dương, TP Hải Phòng. T đưa ra giá là 13.000.000 đồng/m², lô đất có diện tích 101m², thành tiền là 1.313.000.000 đồng. Anh Thành giao cho T 02 lần với tổng số tiền là 1.313.000.000 đồng. T hứa hẹn sau 03 tháng kể từ ngày nhận đủ tiền sẽ giao bìa đỏ cho anh Thành nhưng đến thời hạn không thực hiện được. T đã chiếm đoạt của anh Thành tổng số tiền là 1.313.000.000 đồng.

- **Vụ thứ sáu:** Khoảng giữa năm 2022, anh Nguyễn Quốc Hải, được bà Trần Thị Lê (mẹ anh Hải) trao đổi về việc được Phạm Văn T thông báo Ủy ban nhân dân huyện An Dương sắp mở bán đấu giá lô đất phía sau nhà văn hoá thôn An Phong. Bà Lê có nói về việc nhờ Phạm Văn T là cán bộ đang công tác tại Ủy ban nhân dân xã An Hưng đấu giá hộ và bảo anh Hải nếu có nhu cầu mua thì chuyển

tiền để bà Lê đưa cho T, anh Hải đồng ý và chuyển tiền cho bà Lê. Ngày 20 tháng 10 năm 2022, Anh Hải và T lập 01 giấy biên nhận về việc T đã nhận của anh Hải số tiền 1.500.000.000 đồng để đấu giá 01 lô đất tại khu đấu giá thôn An Phong và thỏa thuận nếu trong vòng 03 tháng kể từ thời điểm ký giấy biên nhận mà T không thực hiện được, T sẽ trả lại toàn bộ số tiền kèm theo lãi suất theo ngân hàng tại thời điểm phát sinh lãi. Nhưng sau đó, T liên tục lấy lý do để trì hoãn việc trả lời kết quả đấu giá đối với lô đất trên. T đã chiếm đoạt của anh Hải tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng.

- **Vụ thứ bảy:** Khoảng năm 2022, chị Nguyễn Thị Thu Hương, trao đổi về việc nhờ T đấu giá hộ lô đất số N12 thuộc các lô đất của dự án đấu giá và bảo chị Hương nếu có nhu cầu mua thì chuyển tiền để bà Lê đưa cho T. Chị Hương được bà Lê thông báo về việc lô đất trên có giá 11.500.000 đồng/m², diện tích 111,1m². Nhưng T nói đưa trước 1.000.000.000 đồng, đến khi ra bìa sẽ đưa nốt. Chị Hương chuyển cho bà Lê số tiền là 1.000.000.000 đồng để đưa cho T. Ngày 23 tháng 02 năm 2023, chị Hương và T lập 01 giấy biên nhận về việc T đã nhận số tiền 1.000.000.000 đồng để đấu giá đất. Nếu trong vòng 04 tháng kể từ thời điểm ký giấy biên nhận mà T không thực hiện được thì T sẽ phải đền bù hợp đồng với giá trị là 1.200.000.000 đồng. Nhưng sau đó, T liên tục lấy lý do để trì hoãn việc trả lời kết quả đấu giá đất. T đã chiếm đoạt của chị Hương số tiền là 1.000.000.000 đồng.

Sao kê tài khoản ngân hàng của Phạm Văn T và các tài khoản liên quan, kết quả xác định phát sinh nhiều giao dịch chuyển tiền từ những người bị hại đến tài khoản của T.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã An Hưng xác định: Trong thời gian công tác tại Ủy ban nhân dân xã An Hưng, Phạm Văn T không có chức năng nhiệm vụ gì trong việc tổ chức đấu giá, mua bán đất tại các dự án đấu giá đất trên địa bàn xã An Hưng. Các dự án đấu giá đất đều được đấu giá công khai theo quy định của pháp luật.

Vật chứng: Không có.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trịnh Xuân Đệ yêu cầu bị cáo Phạm Văn T hoàn trả lại số tiền 3.100.000.000 đồng; anh Lê Quang Phúc yêu cầu hoàn trả lại số tiền 1.290.000.000 đồng; chị Trịnh Thị Quỳnh Anh yêu cầu hoàn trả lại số tiền 2.250.000.000 đồng; bà Trần Thị Thanh yêu cầu hoàn trả lại số tiền 1.700.000.000 đồng; anh Nguyễn Chí Thành yêu cầu hoàn trả lại số tiền 1.313.000.000 đồng; anh Nguyễn Quốc Hải yêu cầu hoàn trả lại số tiền 1.500.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Thu Hương yêu cầu hoàn trả lại số tiền 1.000.000.000 đồng. Hiện bị cáo Phạm Văn T chưa bồi thường cho những bị hại trên.

Tại bản Cáo trạng số 131/CT-VKS-P1 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Phản tranh luận: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Văn T như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, v khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T từ 19 đến 20 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

3. Về xử lý vật chứng: Không có.

4. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Văn T phải trả cho anh Trịnh Xuân Độ 3.100.000.000 đồng; Anh Lê Quang Phúc 1.290.000.000 đồng; chị Trịnh Thị Quỳnh Anh 2.250.000.000 đồng; bà Trần Thị Thanh 1.700.000.000 đồng; anh Nguyễn Chí Thành 1.313.000.000 đồng; anh Nguyễn Quốc Hải 1.500.000.000 đồng; **chị Nguyễn Thị Thu Hương 1.000.000.000 đồng; bị cáo T đã trả cho chị Hương 100.000.000 đồng, còn phải tiếp tục trả chị Hương 900.000.000 đồng.**

Bị cáo Phạm Văn T không tranh luận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Trịnh Xuân Phúc và Lê Quang Phúc trình bày quan điểm bảo vệ: Đồng ý với luận tội của đại diện Viện Kiểm sát về tội danh, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm có thời gian quay trở lại lao động, thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho những bị hại.

Đại diện Viện Kiểm sát đối đáp: Về hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn T đã được xem xét, đánh giá các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, tính chất phạm tội nên đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên luận tội đã trình bày.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Căn cứ vào tài liệu điều tra, lời khai của bị cáo Phạm Văn T, kết quả giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận:

[2.1] Do cần tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân nên trong khoảng thời gian từ năm 2022 đến năm 2023, bị cáo Phạm Văn T đã đưa ra thông tin về việc bị cáo có các mối quan hệ với lãnh đạo địa phương, có thể tham gia và trúng đấu giá đất với giá thấp đối với các lô đất đấu giá trên địa bàn xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng để nhận tiền của những người muốn đầu tư. T yêu cầu những người có nhu cầu đấu giá đất cung cấp thông tin cá nhân và chuyển tiền theo yêu cầu của T, hẹn ngày trả giấy chứng nhận quyền sử dụng cho họ nhưng sau khi nhận tiền, bị cáo liên tục lấy lý do trì hoãn việc trả lời kết quả đấu giá đất hoặc tắt điện thoại không liên lạc nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của họ.

[2.2] Bằng thủ đoạn trên, bị cáo Phạm Văn T đã chiếm đoạt của anh Trịnh Xuân Độ 3.100.000.000 đồng; anh Lê Quang Phúc 1.290.000.000 đồng; chị Trịnh Thị Quỳnh Anh 2.250.000.000 đồng; bà Trần Thị Thanh 1.700.000.000 đồng; anh Nguyễn Chí Thành 1.313.000.000 đồng; anh Nguyễn Quốc Hải 1.500.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Thu Hương 1.000.000.000 đồng.

[2.3] Bị cáo Phạm Văn T có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức việc được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì ham lợi nên vẫn thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung: Tổng số tiền bị cáo Phạm Văn T thực hiện hành vi chiếm đoạt là 12.153.000.000 **đồng** nên phải chịu tình tiết định khung tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, quy định “chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 **đồng** trở lên”.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, trước khi phạm tội, bị cáo là Bí thư Đoàn phường An Hưng, huyện An Dương (cũ) được Trung ương Đoàn tặng Bằng khen, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng tặng Bằng khen nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự “người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học T hoặc công tác”. Bị cáo đã có ý thức khắc phục một phần nhỏ hậu quả cho chị Hương nên hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn T đã thực hiện 07 lần hành vi chiếm đoạt tài sản của nhiều người khác nhau nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự quy định “Phạm tội 02 lần trở lên”.

[6] Về hình phạt: Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là đặc biệt nghiêm trọng nên cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Nhưng cũng xét bị cáo là người phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự nên Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Văn T phải trả cho Anh Trịnh Xuân Độ 3.100.000.000 đồng; Anh Lê Quang Phúc 1.290.000.000 đồng; Chị Trịnh Thị Quỳnh Anh 2.250.000.000 đồng; Bà Trần Thị Thanh 1.700.000.000 đồng; Anh Nguyễn Chí Thành 1.313.000.000 đồng; Anh Nguyễn Quốc Hải 1.500.000.000 đồng; Chị Nguyễn Thị Thu Hương 1.000.000.000 đồng. Bị cáo T đã cho chị Hương 100.000.000 đồng, còn phải hoàn trả chị Hương 900.000.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng: Không có.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, v khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giam 14 tháng 6 năm 2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Văn T phải trả cho anh Trịnh Xuân Độ 3.100.000.000 đồng; anh Lê Quang Phúc 1.290.000.000 đồng; chị Trịnh Thị Quỳnh Anh 2.250.000.000 đồng; bà Trần Thị Thanh 1.700.000.000 đồng; anh Nguyễn Chí Thành 1.313.000.000 đồng; anh Nguyễn Quốc Hải 1.500.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Thu Hương 900.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về vật chứng: Không có.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu **120.053.000 đồng** án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Văn T, bị hại chị Trần Thị Thanh được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại: Anh Trịnh Xuân Đệ, anh Lê Quang Phúc, chị Trịnh Thị Quỳnh Anh, anh Nguyễn Chí Thành, anh Nguyễn Quốc Hải, chị Nguyễn Thị Thu Hương có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1- TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng GD, KT, TT và THA
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Hồ Điệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Huy Du Vũ Thị Minh Nguyệt

Trần Thị Vân Thúy

